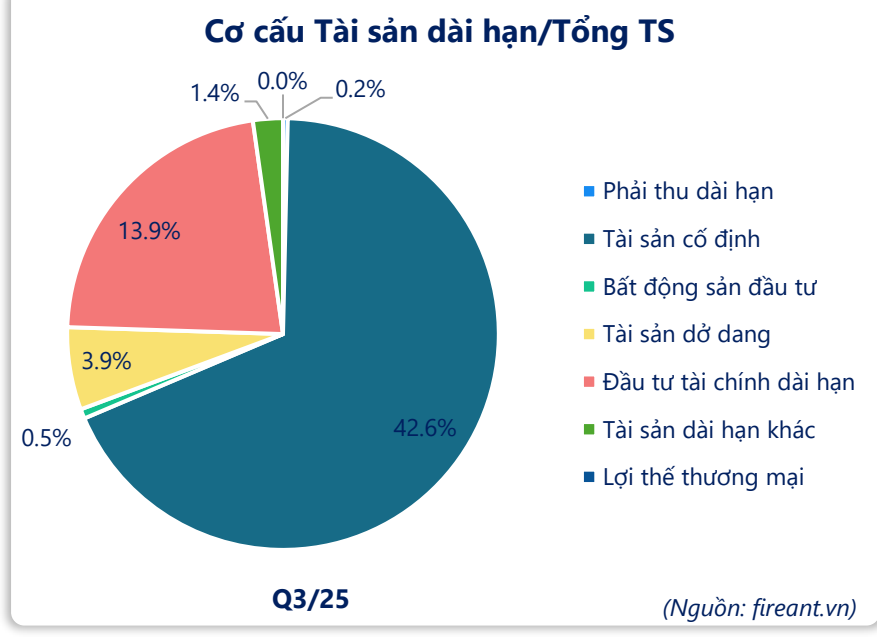
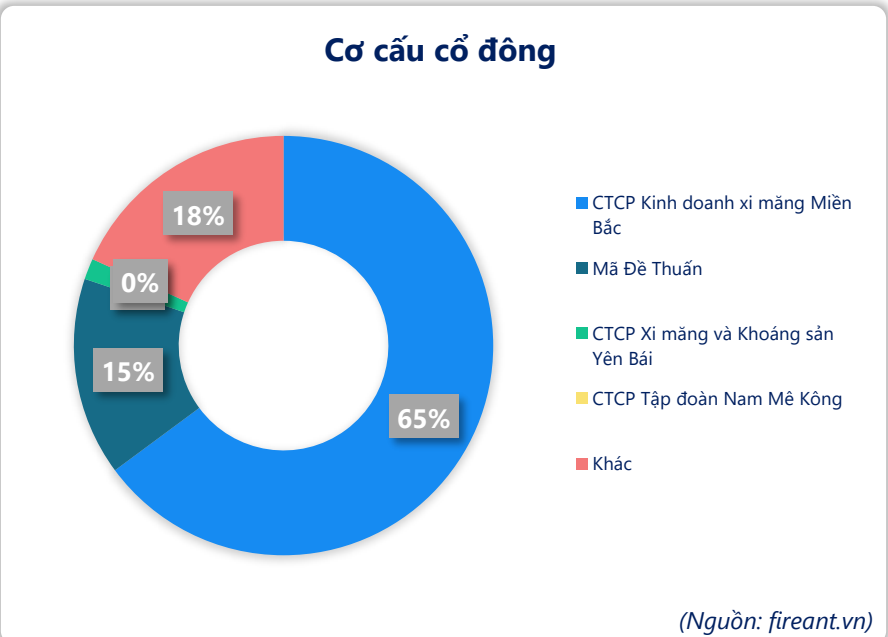
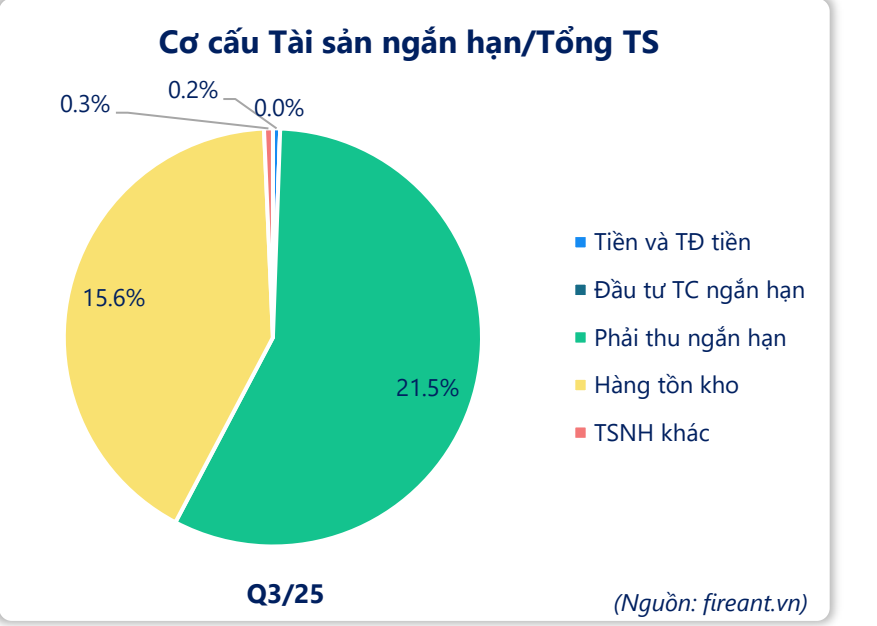
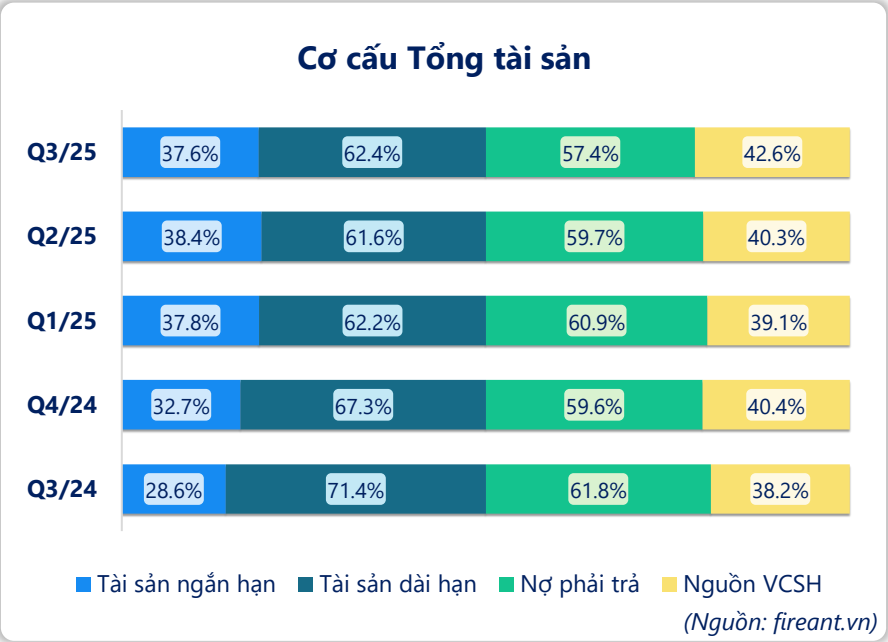
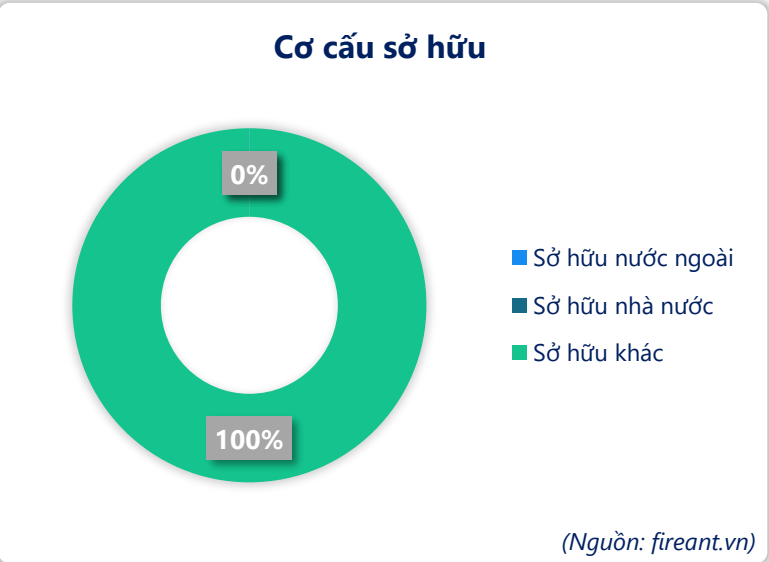
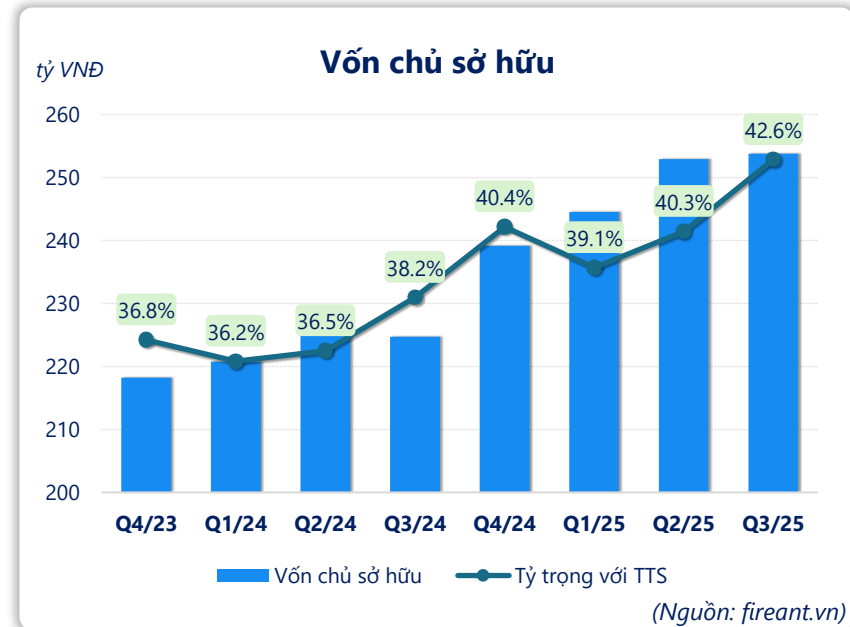
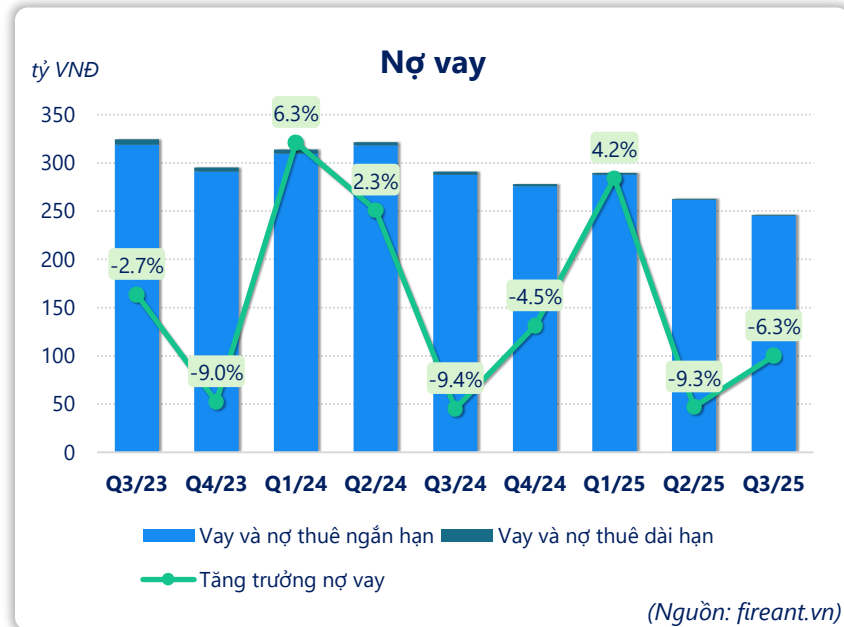
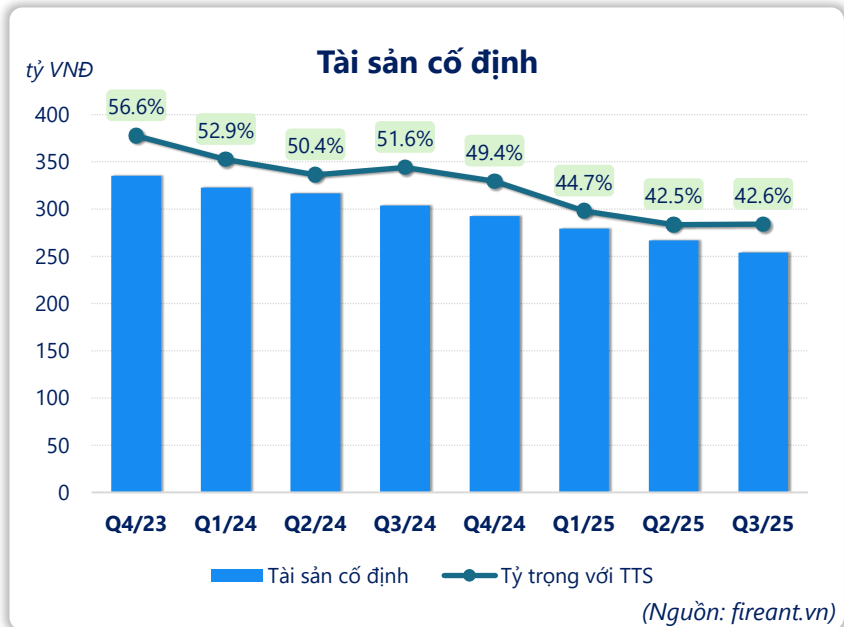
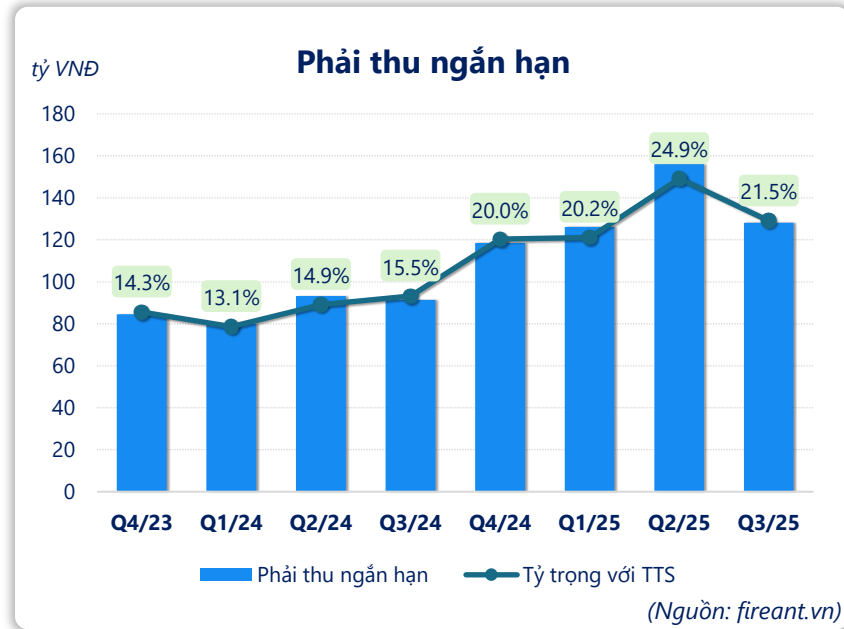
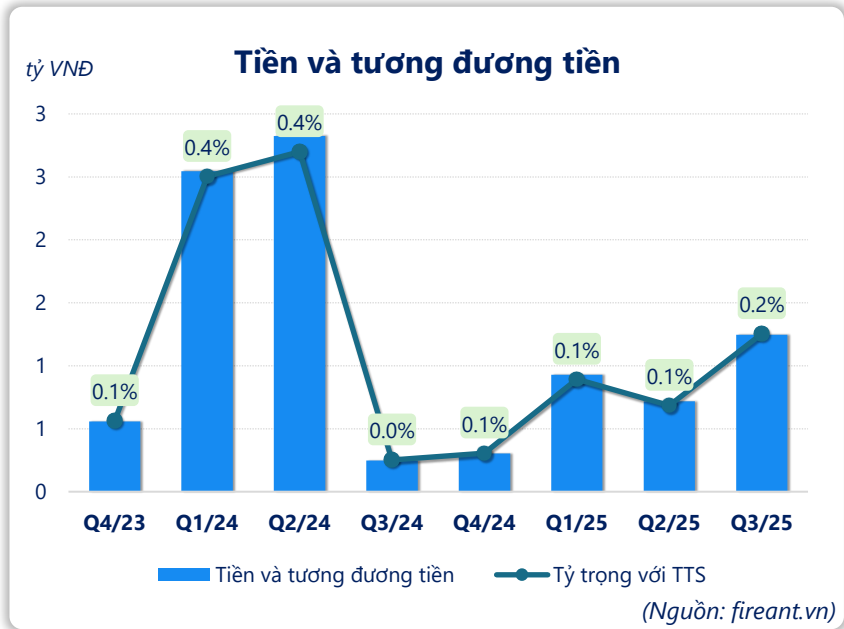
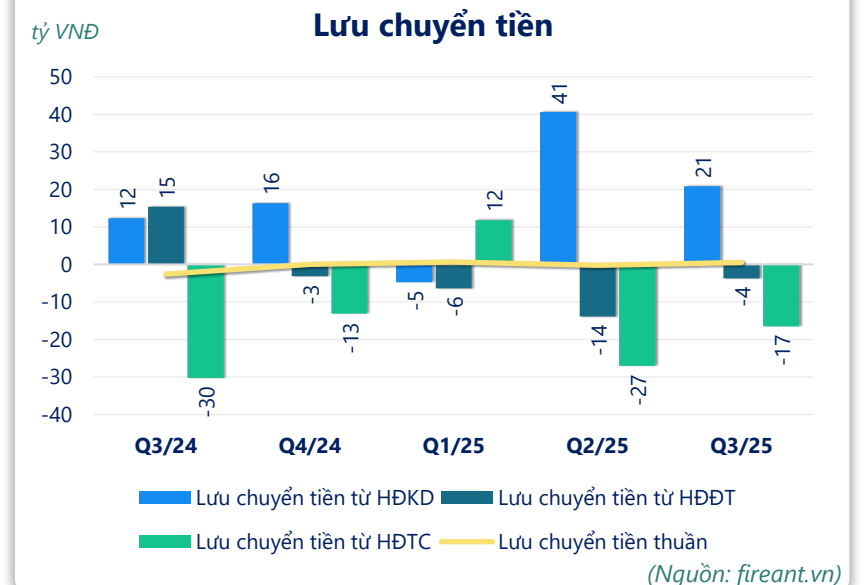
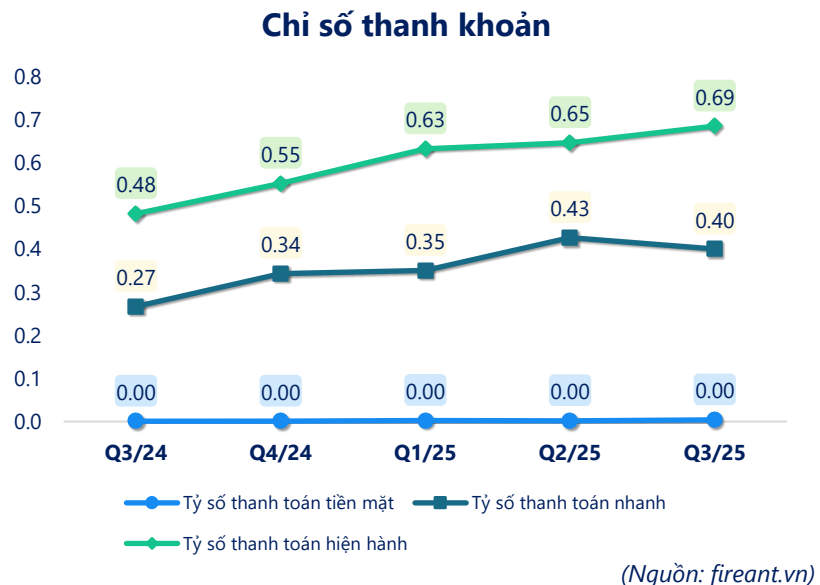
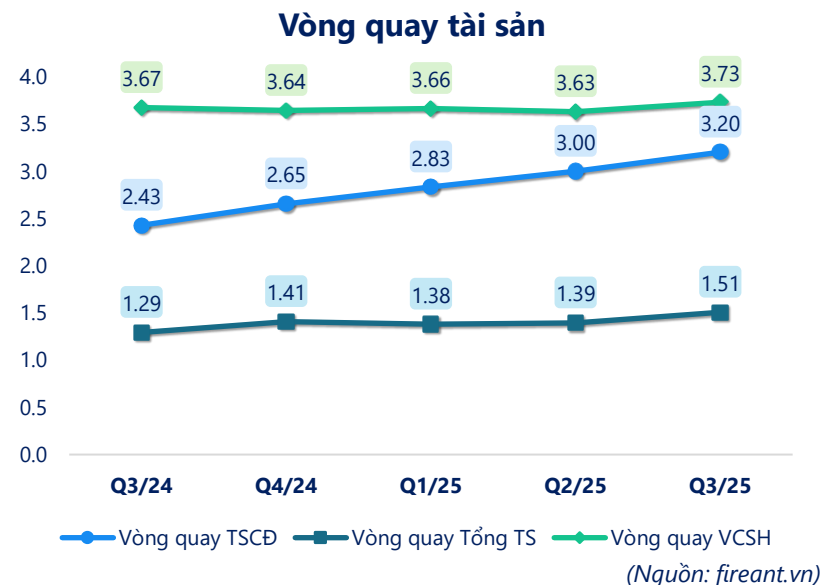
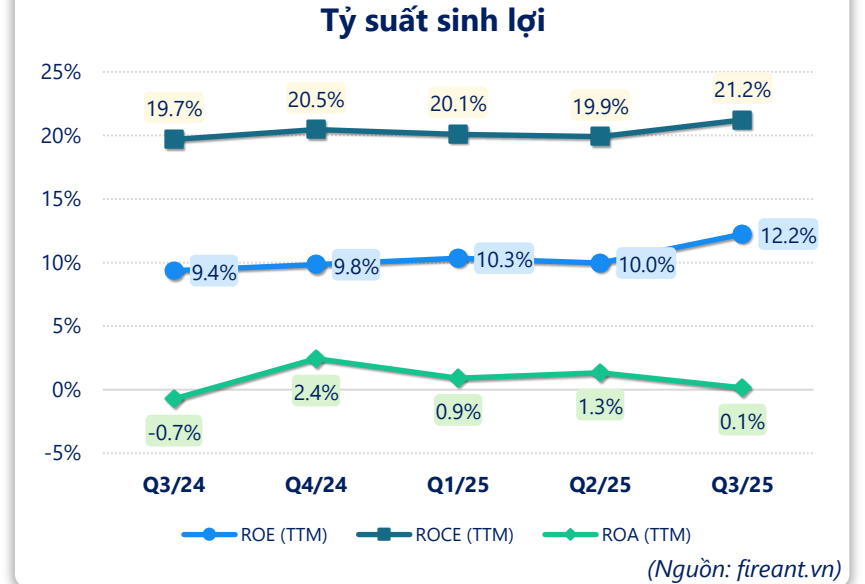
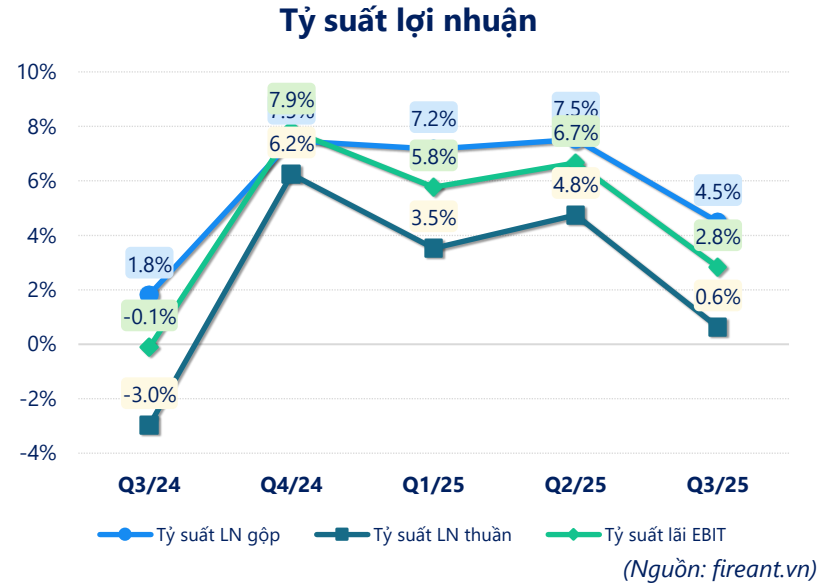
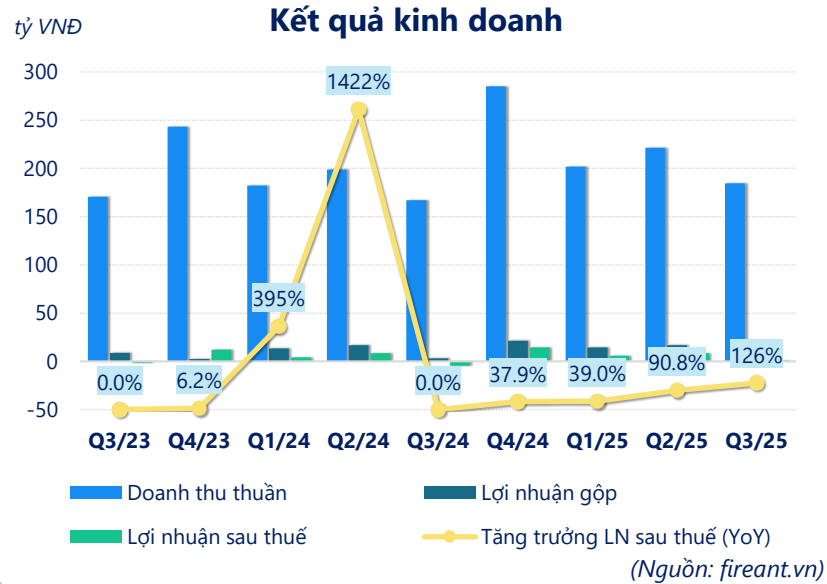


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		26,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,720
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		265
P/E		9.1
EPS		1,104

	YTD	1T	3T	6T
VCX	4.2%	26.6%	6.4%	-24.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	596	592	0.8%
Tài sản ngắn hạn	224	193	16.0%
Tiền và tương đương tiền	1.25	0.30	312%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	128	119	7.8%
Hàng tồn kho	93.2	73.0	27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	0.97	57.8%
Tài sản dài hạn	372	398	-6.6%
Phải thu dài hạn	1.32	0.75	76.0%
Tài sản cố định	254	292	-13.2%
Bất động sản đầu tư	2.69	2.94	-8.5%
Tài sản dở dang	23.0	1.70	1251%
Đầu tư tài chính dài hạn	82.8	82.6	0.2%
Tài sản dài hạn khác	8.31	17.9	-53.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	342	353	-2.9%
Nợ ngắn hạn	327	350	-6.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	245	276	-11.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.5	56.3	3.9%
Nợ dài hạn	15.4	3.00	414%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.11	2.21	-50.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	239	6.2%
Vốn chủ sở hữu	254	239	6.2%
Vốn điều lệ	265	265	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	167	285	202	221	185
Giá vốn hàng bán	164	264	187	205	176
Lợi nhuận gộp	3.05	21.3	14.5	16.6	8.29
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.00	0.01	0.01
Chi phí TC	5.10	2.11	4.62	4.13	4.13
Chi phí lãi vay	5.09	4.60	4.57	4.27	4.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.97	0.02	0	0
Chi phí QLDN	2.88	0.45	2.71	2.00	3.01
LN thuần từ HĐKD	-4.95	17.8	7.12	10.5	1.15
Lợi nhuận khác	-0.33	-0.01	-0.06	-0.05	-0.05
LN trước thuế	-5.28	17.8	7.06	10.5	1.10
Lợi nhuận sau thuế	-4.41	14.4	5.64	8.36	0.87
LNST của CĐ cty mẹ	-4.41	14.4	5.64	8.36	0.87

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.3	16.3	-4.80	40.6	20.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.3	-3.14	-6.36	-13.9	-3.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.2	-13.1	11.8	-27.0	-16.5
Tiền đầu kỳ	2.82	0.25	0.30	0.93	0.72
Lưu chuyển tiền thuần	-2.57	0.05	0.63	-0.22	0.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.25	0.30	0.93	0.72	1.25

(Nguồn: fireant.vn)